

Số: /STTTT

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 7 năm 2018

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu
tư ứng dụng công nghệ thông tin trong
các CQNN năm 2019

Kính gửi:

- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và các chủ trương, chính sách về phát triển CNTT của UBND tỉnh;

Để thống nhất với các cơ quan, đơn vị và kịp thời tổng hợp xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2019, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các cơ quan, đơn vị tiến hành xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 theo hướng dẫn đính kèm.

Đề nghị các đơn vị xây dựng và gửi Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 31/7/2018** (đồng gửi file văn bản điện tử vào địa chỉ thư điện tử: btpdung-stttt@quangngai.gov.vn) để tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi.

Nội dung kế hoạch cần khả thi và đảm bảo được nguồn lực để thực hiện, đồng thời phải lồng ghép các nhiệm vụ và dự toán kinh phí có liên quan của Kế hoạch ứng dụng CNTT này (ghi rõ **Mục chi, nguồn kinh phí**) vào Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2019 của cơ quan, địa phương theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để thẩm tra và bố trí kinh phí theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: Phòng CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0553.711574 - 0902030090 (gặp đ/c Bùi Thị Phương Dung).

Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, địa phương có chỉ đạo và tổ chức xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019 đúng theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TT&TT: GD, các PGĐ Sở, các phòng ban;
- TT CNTT-TT (gửi K/h);
- Lưu: VT, CNTT₉₇

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Trân

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT
TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 790/STTTT ngày 16/7/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông)

I. Căn cứ lập Kế hoạch:

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật an toàn thông tin mạng; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định 42/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về tăng cường hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;
- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Kế hoạch số 1881/KH-UBND ngày 25/4/ 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 23/12/ 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
- Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022;
- Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi năm 2018 (đổi với nhiệm vụ cần đề nghị thực hiện chuyển tiếp sang năm 2019);

- Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi phiên bản 1.0 đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 02/02/2018.

- Các hướng dẫn, định hướng của các bộ, ngành, Trung ương và nhu cầu thực tế trong hoạt động của Quý cơ quan.

II. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước:

1. Đánh giá tổng quan ước thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch 2018:

Rà soát đánh giá mục tiêu đặt ra theo kế hoạch đầu tư ứng dụng CNTT tại đơn vị, phù hợp với mục tiêu của Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch số 1881/KH-UBND tỉnh ngày 25/4/2015 và các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo Kế hoạch ứng dụng CNTT tại đơn vị:

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện qua mạng Internet.

- Tỷ lệ hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được thực qua mạng Internet (*Cục thuế tỉnh tổng hợp và cung cấp*).

- Tỷ lệ số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng Internet (*Cục thuế tỉnh tổng hợp và cung cấp*).

- Tỷ lệ số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô, xe máy (*Cục thuế tỉnh tổng hợp và cung cấp*).

- Tỷ lệ các gói thầu quan trọng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng hệ thống đấu thầu điện tử (*Sở Kế hoạch Đầu tư tổng hợp và cung cấp*).

- Tỷ lệ cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội (*Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp và cung cấp*).

- Tỷ lệ văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính (mô hình một cửa điện tử, trung tâm hành chính công, dịch vụ công, phần mềm quản lý, ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử,...)

- Những mục tiêu, nhiệm vụ khác (nếu có).

2. Kinh phí đã và đang thực hiện Kế hoạch đầu tư ứng dụng CNTT năm 2018: (Đề nghị ghi rõ từng nguồn kinh phí)

| TT | Hạng mục đầu tư | Nội dung/Nhiệm vụ | Ước kinh phí thực hiện năm 2018 | | | |
|----|-----------------|-------------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|----------------------------|
| | | | Tổng kinh phí | Ngân sách TW/Tỉnh/Huyện/ | Nguồn vốn đầu tư/nguồn sự | Ghi chú (căn cứ Quyết định |
| | | | | | | |

| | | | | khác cấp | ngành/ khác | phê duyệt, ...) |
|--|---|--|--|----------|----------------|--------------------|
| | Hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn an ninh thông tin | | | | | |
| | Ứng dụng CNTT trong nội bộ CQNN | | | | | |
| | Ứng dụng CNTT phục vụ người dân. | | | | | |
| | Đào tạo nguồn nhân lực CNTT | | | | | |

3. Đánh giá chung; khó khăn, hạn chế và đề xuất giải pháp:

Đánh giá chung những kết quả đạt được, kết quả thực hiện so với mục tiêu đề ra.

Nêu những khó khăn, hạn chế và đề xuất giải pháp để thực hiện trong thời gian tới.

III. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2019:

Căn cứ định hướng ứng dụng CNTT năm 2019 tại văn bản này, Quý đơn vị đề xuất mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2019 cho phù hợp. Trong đó, các mục tiêu phải có tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, nguồn lực của đơn vị và đảm bảo các giải pháp để triển khai thực hiện hoàn thành.

IV. Định hướng nội dung xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT năm 2019:

*** Về Các dự án đầu tư phát triển CNTT:**

Được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về sự cấp thiết, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của dự án với thông tin chính cho từng dự án đầu tư như sau:

- **Thông tin chung:** Sự cần thiết phải đầu tư; Mục tiêu đầu tư; Tên gọi dự án; Chủ đầu tư; Quyết định phê duyệt (nếu có),...

- **Nội dung dự án:** Quy mô đầu tư; Tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng; Tổng mức đầu tư; Nguồn vốn đầu tư; Địa điểm xây dựng.

* Các nội dung, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương năm 2019 cần xác định rõ thứ tự ưu tiên đầu tư, đồng bộ, bảo đảm việc xây dựng, kết nối và khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin quốc gia, đồng thời có khả năng mở rộng kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin các cấp; ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính:

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Xác định rõ các nội dung phát triển hạ tầng kỹ thuật, trong đó cần xác định cụ thể phạm vi, mức độ phát triển tới cấp nào; nội dung đầu tư cụ thể, chẳng hạn như hạ tầng máy tính; hạ tầng mạng; hạ tầng kết nối; hạ tầng an toàn thông tin

tin,... trong đó, lưu ý đầu tư theo hướng đồng bộ, liên thông, thống nhất và xem xét ưu tiên phát triển một số nội dung:

- Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin(HTTT), cơ sở dữ liệu(CSDL) với các HTTT, CSDL bên ngoài.

- Triển khai, sử dụng chữ ký số trong hoạt động ứng dụng CNTT;

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước:

Xác định rõ các nội dung ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước, trong đó ưu tiên tập trung hoàn thiện, nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống phần mềm ứng dụng chuyên ngành; tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ, sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành, trao đổi văn bản qua môi trường mạng.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Hoàn thiện, nâng cấp Trang/Cổng Thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- *Thực hiện cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phù hợp với nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp theo định hướng của tỉnh (công văn số 761/STTTT ngày 6/7/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc rà soát và đề xuất danh mục TTHC thực hiện xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh).*

- Tăng cường thực hiện mô hình “Hệ thống thông tin một cửa điện tử” tại huyện, thành phố, xã phường, thị trấn và phát triển ứng dụng CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả; tăng cường sự kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa và các hệ thống khác; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi nhất để tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính người dân và doanh nghiệp theo hướng xử lý và trao đổi trên môi trường điện tử.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ cập tin học, nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

4. Phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT:

a) Tăng cường nâng cao nhận thức và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ phụ trách và chuyên trách về CNTT các cấp. Đào tạo, tập huấn về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh và đánh giá hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT.

b) Tiếp tục đào tạo, nâng cao nghiệp vụ công nghệ thông tin cho các cán bộ công chức viên chức các cấp theo chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp. Tăng cường thu hút và đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ từ Đại học trở lên tại các cơ quan, địa phương. Đảm bảo đến năm 2020, 100% các đơn vị Sở, ngành, địa phương có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện có cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin.

c) Tiếp tục tăng cường hỗ trợ các đoàn thể, tổ chức xã hội nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển CNTT trong sản xuất kinh doanh và phục vụ phát triển KT-XH; nâng cao việc sử dụng các công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ; tăng cường hàm lượng ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

d) Không ngừng phát triển và khuyến khích người dân khai thác hệ thống dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính, thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua các Cổng /Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; khai thác thông tin thông qua hệ thống các trang tin khoa học kỹ thuật, thông tin mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi và thông tin văn hóa xã hội.

5. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin:

a) Tăng cường quán triệt Luật an toàn thông tin mạng; Luật An ninh mạng; Chủ động đánh giá hệ thống thông tin cấp độ theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng máy tính trong tình hình mới và triển khai Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

b) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về nguy cơ, sự cố, tấn công mạng.

c) Tăng cường đầu tư các biện pháp, trang thiết bị bảo đảm về an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng. Tiếp tục tham gia và triển khai hệ thống chứng thực điện tử, chữ ký số và các biện pháp, giải pháp bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.

d) Rà soát cập nhật hoặc ban hành mới quy chế, chính sách, kế hoạch về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

e) Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về thông tin trên Internet; Tổ chức các chương trình Hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

f) Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, thông tin và truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh, của đơn vị.

g) Thực hiện chỉ đạo tại công văn số 3885/UBND –KGVX ngày 03/7/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

V. Giải pháp thực hiện:

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm (không giới hạn) các nội dung chính sau:

1. Giải pháp tài chính (*Căn cứ vào các kế hoạch đã được phê duyệt, nguồn kinh phí đã được dự kiến bố trí theo Quy hoạch phát triển CNTT của tỉnh, nguồn kinh phí theo kế hoạch trung hạn, dài hạn của tỉnh, nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm được bố trí; khả năng cân đối từ ngân sách bố trí tỉnh, huyện, đơn vị, tranh thủ vốn hỗ trợ từ Trung ương, khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm tránh đầu tư dàn trải hoặc khi đã bố trí kinh phí mà thực hiện không hiệu quả*).

2. Bảo đảm môi trường pháp lý.

3. Bảo đảm hiệu quả, đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Giải pháp triển khai và tổ chức thực hiện.

5. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực CNTT.

6. Các giải pháp khác.

VI. Kinh phí triển khai kế hoạch:

Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu (*có thể thêm cột để ghi chú rõ hơn*) sau:

| TT | Tên dự án, nhiệm vụ | Mục tiêu, Quy mô | Thời gian thực hiện | Đơn vị chủ trì/ phối hợp | Nội dung /hạng mục công việc | | Kinh phí | | | Nguồn kinh phí | | Ghi chú |
|----|---------------------|------------------|---------------------|--------------------------|------------------------------|-------------------------|---------------|--------------|------------------------------|---------------------------------------|--|---------|
| | | | | | Đã triển khai | Cần triển khai năm 2019 | Tổng kinh phí | Đã thực hiện | Cần thực hiện trong năm 2019 | Ngân sách TW/Tỉnh/Huyện/khác (ghi rõ) | Nguồn vốn đầu tư/ Nguồn sự nghiệp/ khác (ghi rõ) | |
| 1 | | | | | | | | | | | | |

VII. Tổ chức thực hiện:

Xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc triển khai Kế hoạch.

-----oO-----